

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E302

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h00

Ngày thi: 03/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA27089	19810710122	Cao Lan	Anh	9/12/2001			
2	TA27090	19810110174	Lê Đức	Anh	19/11/2001			
3	TA27091	19810430300	Mạc Tuấn	Anh	11/1/2001			
4	TA27092	19810710200	Nguyễn Hoàng	Anh	19/6/2001			
5	TA27093	19810720124	Nguyễn Ngọc	Anh	18/4/2001			
6	TA27094	20810720281	Nguyễn Thị Lan	Anh	19/9/2002			
7	TA27095	20810000044	Nguyễn Thị Phương	Anh	11/3/2002			
8	TA27096	18810430080	Nguyễn Việt	Anh	30/10/2000			
9	TA27097	20810000018	Phạm Đức	Anh	13/11/2002			
10	TA27098	20810310277	Phùng Xuân	Anh	10/8/2002			
11	TA27099	19810410268	Thân Đức	Anh	6/2/2001			
12	TA27100	19810310026	Trần Tuấn	Anh	28/5/2000			
13	TA27101	19810310028	Vương Tuấn	Anh	16/5/2001			
14	TA27102	20810720048	Mai Thanh	Bình	9/9/2002			
15	TA27103	19810000203	Ngô Viết	Cảnh	22/5/2001			
16	TA27104	20810000019	Hà Thị Mai	Chi	30/11/2002			
17	TA27105	19810170282	Đỗ Thành	Chính	13/8/2001			
18	TA27106	19810410191	Nguyễn Thành	Công	22/9/2001			
19	TA27107	19810310128	Phạm Văn	Công	11/10/2001			
20	TA27108	19810310246	Nguyễn Văn Đại	Cương	19/12/2001			
21	TA27109	18810830021	Nguyễn Đình	Đạt	10/11/2000			
22	TA27110	19810310002	Nguyễn Ngọc	Đạt	22/9/2001			
23	TA27111	20810720056	Nguyễn Quốc	Đạt	1/7/2002			
24	TA27112	19810510118	Nguyễn Xuân	Đạt	12/07/2001			

25	TA27113	19810430058	Phạm Minh	Đạt	18/2/2001			
26	TA27114	19810000086	Trịnh Thành	Đạt	17/1/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E303

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h00

Ngày thi: 03/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA27115	19810000233	Trần Ngọc	Đức	20/11/2001			
2	TA27116	19810850011	Ngô Thị	Dung	1/5/2001			
3	TA27117	Đầu vào CH	Mai Văn	Dũng	20/11/1979			
4	TA27118	18810310331	Nguyễn Mạnh	Dũng	1/11/2000			
5	TA27119	20810000028	Lục Bình	Dương	16/8/2002			
6	TA27120	20810710201	Trương Ngọc	Duy	20/10/2002			
7	TA27121	19810810123	Đỗ Hương	Giang	26/4/2001			
8	TA27122	20810820038	Nguyễn Đức	Giang	9/6/2001			
9	TA27123	19810340520	Nguyễn Trường	Giang	31/8/2001			
10	TA27124	20810720017	Trần Hương	Giang	16/1/2002			
11	TA27125	20810820046	Vũ Thị Huyền	Giang	14/11/2002			
12	TA27126	19810810105	Nguyễn Thu	Hà	26/8/2001			
13	TA27127	Đầu vào CH	Nguyễn Vũ	Hà	30/09/1974			
14	TA27128	20CH5020030	Trần Thái	Hà	11/07/1980			
15	TA27129	19810410282	Lê Ngọc	Hiệu	11/7/2001			
16	TA27130	19810410272	Lê Sỹ	Hình	24/8/2001			
17	TA27131	19810000049	Hoàng Khắc	Hoan	15/5/2001			
18	TA27132	19810110077	Ngô Huy	Hoàng	29/5/2001			
19	TA27133	19810310043	Nguyễn Huy	Hoàng	17/7/2000			
20	TA27134	19810310305	Nguyễn Huy	Hoàng	8/5/2001			
21	TA27135	19810410028	Tạ Huy	Hoàng	26/10/2001			
22	TA27136	20810620109	Lê Việt	Hùng	22/8/2002			
23	TA27137	19810170110	Trần Mạnh	Hùng	18/5/2001			
24	TA27138	18810310399	Trịnh Quốc	Hưng	21/10/2000			

25	TA27139	Đầu vào CH	Nguyễn Thị Thu	Hương	23/09/1980			
26	TA27140	20810000135	Tạ Thị	Hương	15/2/2002			
27	TA27141	20810720003	Trần Thị Đăng	Hương	20/8/2002			
28	TA27142	19810310185	Ngô Văn	Huy	7/9/2001			
29	TA27143	20810000123	Nguyễn Quang	Huy	3/7/2002			
30	TA27144	20810710121	Nguyễn Đức	Huy	24/8/2002			
31	TA27145	19810110329	Nguyen Quang	Huy	11/8/2001			
32	TA27146	20810000187	Nguyễn Văn	Huy	24/10/2002			
33	TA27147	19810170073	Phạm Tiến	Huỳnh	11/1/2001			
34	TA27148	19810430292	Lê Đức	Khánh	1/4/2001			
35	TA27149	20810710094	Tổng Nguyễn Quốc	Khánh	21/7/2002			
36	TA27150	18810310246	Vũ Hồng	Khiêm	6/1/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** E401**Môn thi:** Kỹ năng viết**Ca thi:** 9h00**Ngày thi:** 03/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA27151	1781610036	Dương Ngọc	Khoa	10/7/1999			
2	TA27152	19810720136	Trần Hoàng	Kỳ	29/1/2001			
3	TA27153	19810230070	Lý Thị Thanh	Lam	7/2/2001			
4	TA27154	19810000016	Nguyễn Thị Kiều	Linh	5/3/2001			
5	TA27155	19810510129	Nguyễn Bảo	Long	19/9/2001			
6	TA27156	18810710171	Nguyễn Thành	Long	17/11/2000			
7	TA27157	20810000144	Nguyễn Thảo	Ly	6/10/2002			
8	TA27158	19810430316	Nguyễn Đức	Minh	30/01/2001			
9	TA27159	19810310468	Nguyễn Tuấn	Minh	12/2/2001			
10	TA27160	20810710113	Phan Tấn	Minh	23/8/2002			
11	TA27161	2272010041	Đặng Trà	My	24/11/1990			
12	TA27162	19810810121	Hoàng Hà	My	17/8/2001			
13	TA27163	20810720273	Nguyễn Thị Trà	My	16/7/2002			
14	TA27164	20810000099	Nguyễn Trọng	Nam	28/10/2002			
15	TA27165	20810000126	Nguyễn Văn	Nam	9/4/2002			
16	TA27166	20810710076	Ngô Thị	Nga	14/9/2002			
17	TA27167	20810710084	Nguyễn Thị	Nga	27/9/2002			
18	TA27168	20810840146	Đỗ Thanh	Ngân	17/9/2002			
19	TA27169	18810310312	Bùi Đình	Ngọc	11/3/2000			
20	TA27170	20810710066	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	7/8/2001			
21	TA27171	20810840034	Trương Bích	Ngọc	7/11/2001			
22	TA27172	19810310458	Hồ Văn	Nguyên	13/7/2001			
23	TA27173	18810810167	Trần Thị Thanh	Nhàn	10/1/2000			
24	TA27174	20810340259	Nguyễn Đăng	Phú	22/8/2002			

25	TA27175	19810110226	Trần Hữu	Phước	30/10/2001			
26	TA27176	20810720027	Đỗ Anh	Quân	11/12/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E402

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h00

Ngày thi: 03/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA27177	19810110070	Lê Hồng	Quân	30/6/2001			
2	TA27178	20810000172	Lê Văn	Quân	3/6/2002			
3	TA27179	19810310268	Trần Hồng	Quân	17/1/2001			
4	TA27180	19810410050	Trần Văn	Quân	6/7/2001			
5	TA27181	19810430029	Nguyen Thuy	Quỳnh	13/5/2001			
6	TA27182	19810310018	Nguyễn Văn	Sang	30/05/2001			
7	TA27183	20810000189	Lê Văn	Sáng	21/08/2001			
8	TA27184	19810410081	Phạm Tiến	Sao	4/4/2001			
9	TA27185	20810340231	Cao Việt Tuấn	Sinh	03/12/2002			
10	TA27186	19810310656	Phạm Minh	Sơn	29/1/2001			
11	TA27187	2272010048	Giáp Văn	Sỹ	1/6/1989			
12	TA27188	19810310455	Nguyễn Trọng	Tâm	1/8/2001			
13	TA27189	20810000105	Phạm Thị Thanh	Tâm	27/5/2002			
14	TA27190	20810310560	Trịnh Trọng	Tấn	7/2/2002			
15	TA27191	19810710018	Vy Thị	Thắm	6/1/2001			
16	TA27192	1781410030	Bùi Đình	Thanh	28/3/1999			
17	TA27193	19810430347	Phạm Văn	Thanh	01/04/2001			
18	TA27194	19810310004	Nguyễn Ngọc	Thành	22/9/2001			
19	TA27195	19810710163	Nguyễn Tiến	Thành	14/8/2001			
20	TA27196	20810000118	Phan Tiến	Thành	9/6/2002			
21	TA27197	20810000090	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9/10/2002			
22	TA27198	20810720280	Phạm Thanh	Thảo	10/5/2002			
23	TA27199	18810410136	Hoang Thi	Thu	26/9/2000			
24	TA27200	19810710138	Đoàn Ngọc	Thụ	16/11/2001			

25	TA27201	19810410269	Nguyễn Minh	Thuận	8/10/2001			
26	TA27202	20810000143	Chu Thi	Thuy	19/2/2002			
27	TA27203	18810410188	Đào Minh	Tiến	6/6/2000			
28	TA27204	19810430110	Lê Duy	Tiến	23/1/2001			
29	TA27205	19810410307	Nguyễn Ngọc	Tiến	2/1/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E403

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h00

Ngày thi: 03/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA27206	1781510255	Phạm Văn	Tiến	18/11/1999			
2	TA27207	20810000396	Nguyễn Văn	Tin	16/7/2002			
3	TA27208	Đầu vào CH	Nguyễn Thanh	Tĩnh	12/04/1985			
4	TA27209	20810000455	Nguyễn Văn	Toàn	29/10/2002			
5	TA27210	20810000101	Nguyễn Văn	Toàn	25/11/2002			
6	TA27211	20810000104	Đỗ Thuý	Trang	28/3/2002			
7	TA27212	20810000136	Lê Thị Minh	Trang	8/4/2002			
8	TA27213	19810710159	Ngô Thị Thu	Trang	19/8/2001			
9	TA27214	20810820059	Nguyễn Quỳnh	Trang	16/2/2002			
10	TA27215	20810000096	Tạ Vương	Triều	19/11/2002			
11	TA27216	18810620033	Lê Quốc	Trường	12/7/2000			
12	TA27217	19810410168	Nguyễn Văn	Trường	21/9/2001			
13	TA27218	19810420108	Ngô Đức	Tự	12/10/2001			
14	TA27219	19810310227	Phạm Anh	Tuấn	11/1/2001			
15	TA27220	19810430065	Trần Văn	Tuấn	26/10/2001			
16	TA27221	19810310487	Chu Sơn	Tùng	7/12/2001			
17	TA27222	1781610062	Phạm Minh	Tùng	11/6/1999			
18	TA27223	19810000123	Trịnh Hà Xuân	Tùng	18/2/2001			
19	TA27224	18810620108	Trần Văn	Tuyền	8/12/2000			
20	TA27225	20810840026	Nguyễn Văn	Uyên	19/12/2002			
21	TA27226	20810710107	Phạm Thị Tú	Uyên	2/12/2002			
22	TA27227	18810620118	Hoang Tho	Van	12/3/2000			
23	TA27228	20810340230	Đào Anh	Vũ	13/10/2002			
24	TA27229	19810410024	Nguyễn Minh	Vũ	26/8/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)